



gǔ huī
骨灰

noun · ashes (of a deceased person)

Example Sentences

tā bǎ fù qīn de gǔ huī sǎ zài le dà hǎi lǐ
他把父亲的骨灰撒在了大海里。

He scattered his father's ashes in the sea.

gǔ huī hé bèi ān fàng zài líng táng zhōng yāng
骨灰盒被安放在灵堂中央。

The urn was placed in the center of the funeral hall.

Trace each character, then write the word on your own.

骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨	骨
骨										
灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰	灰		